TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN H** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:175/2022/HNGĐ – ST
Ngày: 23 - 8 - 2022
V/v ly hôn;

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nghi.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Nam Văn

Ông Nguyễn Văn Thư

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Hà Thị Quy - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số:140/2022/TLST- HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2022 về việc: " *Ly hôn* " theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 10 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Th - sinh năm 1992

Địa chỉ: Thôn Ph, xã H, huyện H, Thanh Hóa (có mặt).

Nơi ở hiện nay: Thôn làng B, xã M, huyện Ngọ, tỉnh Thanh Hóa,

Bị đơn: Anh Vũ Đức Th - sinh năm 1986

Địa chỉ: Thôn Ph, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa. (có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 22 tháng 6 năm 2022, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, Chị Phạm Thị Th có quan điểm trình bày như sau:

Chị Phạm Thị Th và Anh Vũ Đức Th kết hôn với nhau trên cơ sở hôn nhân tự nguyện, việc kết hôn được đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, vào ngày 25/11/2016. Sau khi kết hôn anh, chị chung sống được ba tháng thì phát sinh mâu thuẫn sau đó chị Th đi àm ăn tại Trung Quốc, việc chị đi làm ăn là do quá trình chung sống, giữa hai người bộc lộ tính tình không hợp nhau, thường xuyên bất đồng quan điểm dẫn đến vợ chồng không hạnh phúc, bản thân anh Th cũng không thương yêu con riêng của chị Th, vì mâu thuẫn nên đã có lần anh Th làm

đơn xin ly hôn nhưng do chị Th đang đi lao động nước ngoài nên lại thôi, năm 2019 chị quay về nhà nhưng vợ chồng cũng không có tình cảm nên không gần được nhau, mỗi người một công việc riêng không ai quan tâm đến nhau, tuy là vợ chồng nhưng từ năm 2017 đến nay thì vợ chồng đã sống ly thân. Nay chị Th xét thấy tình cảm vợ chồng không ai còn thương yêu nhau, nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Th để mỗi người có cuộc sống riêng.

Trong đơn ngày 02 tháng 8 năm 2022, bị đơn Anh Vũ Đức Th có quan điểm trình bày:

Ngày 25/01/2016, anh Th và Chị Phạm Thị Th đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn anh, chị sống hòa thuận hạnh phúc nhưng chỉ được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, hay bất đồng quan điểm sống, cuộc sống tình cảm vợ chồng không hạnh phúc ngày càng lạnh nhạt. Năm 2017 anh đã làm đơn xin ly hôn nhưng vì thời điểm này chị Th đi lao động bên Trung Quốc nên anh lại rút đơn về. Sau thời gian chị Th trở về Việt Nam nhưng tình cảm vợ chồng tiếp tục xảy ra mâu thuẫn, nên anh và chị đã sống ly thân, không ai còn quan tâm cuộc sống của nhau. Nay chị Th làm đơn ly hôn do điều kiện làm ăn trong Bình Dương, đường xa anh không về được, anh đã được mẹ anh ở nhà thông báo việc chị Th xin ly hôn, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh và chị Th được ly hôn với nhau.

Về con chung: Anh Th và chị Th đều thừa nhận, anh chị chưa có con chung, nhưng chị Th đã có con riêng trước khi kết hôn, cháu mang họ mẹ, tên cháu là Phạm Huy H, sinh ngày 22/6/2012, hiện nay cháu vẫn đang ở với chị Th, vì không có con chung nên không đề nghị giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ, chồng chưa có tài sản chung, nên không ai yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tiến hành xác minh tại địa phương xã Hưng Lộc thì được biết, anh Th là lao động tự do, thường xuyên đi làm ăn xa không chuyển khẩu khỏi địa phương, khoảng tháng 5 năm 2022, anh Th có về nhà nhưng ít hôm lại đi ngay, khi đi làm ăn xa không khai báo tạm vắng, tạm trú. Về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng, khoảng tháng 3/2017, chị Th bỏ đi làm ăn xa nên vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay, còn các nguyên nhân khác địa phương không nắm bắt được.

Kết thúc phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và những người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi Hội đồng xét xử vào nghị án là đầy đủ và đúng quy định của pháp luật tố tụng.

Về hướng giải quyết vụ án Viện kiểm sát đề nghị: Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 và Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho Chị Phạm Thị Th được ly hôn với Anh Vũ Đức Th.

Về con chung và tài sản chung : Không xem xét.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc Chị Phạm Thị Th phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, theo khoản 4 Điều 147 của BLTTDS và nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/6/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, về mức án phí, lệ phí Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa. Trên cơ sở quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về việc chấp hành pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng, và đề nghị hướng giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân huyện H có đủ cơ sở nhận định.

[1]. Về pháp luật tố tụng: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn là tranh chấp hôn nhân và gia đình, quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự về " Ly hôn". Bị đơn có nơi cư trú tại xã H, huyện H, nên vụ án được xem xét, giải quyết theo thẩm quyền. Vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được do một trong các bên đương sự vắng mặt. Bị đơn có đơn xin giải quyết vắng mặt, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của BLTTDS Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

[2] Xét về quan hệ hôn nhân của nguyên đơn và bị đơn: Chị Phạm Thị Th và Anh Vũ Đức Th kết hôn với nhau trên cơ sở hôn nhận tự nguyện, việc kết hôn được đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện H vào năm 2016. Tại thời điểm đăng ký kết hôn, cả anh và chị không vi phạm quy định về độ tuổi và các điều kiện kết hôn theo Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Như vậy thời kỳ hôn nhân được tính từ khi anh, chị đăng ký kết hôn và được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

[3]. Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn: Năm 2016, anh Th, chị Th chính thức đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống hai bên chưa có con chung. Tuy nhiên, trong thời gian ngắn thì tình cảm vợ, chồng đã bộc lộ và nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu được cả hai bên thừa nhận là do tính tình không hợp, không quan tâm, chăm lo cho nhau trong một thời gian dài mà không có biện pháp hàn gắn, nên đời sống hôn nhân của anh, chị không được hạnh phúc. Nay thấy lý do xin ly hôn của chị Th là có căn cứ, bị đơn anh Th vắng mặt cũng không phản đối và đề nghị xin được ly hôn. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Th và anh Th được ly hôn với nhau.

[4] Về con chung: Vợ chồng không có con chung nên không đề nghị xem xét.

[5] *Về tài sản chung*: Không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

[6] *Về nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm*: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 1 Điều 24, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc chị Th phải nộp 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm,

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 và Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014

Căn cứ điểm a, khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. (Ban hành kèm theo danh mục án phí, lệ phí Tòa án),

Về hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của Chị Phạm Thị Th, chị Th được ly hôn với Anh Vũ Đức Th.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung nên không đề nghị xem xét.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc Chị Phạm Thị Th phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, số tiền phải nộp được trừ vào số tiền tạm ứng án phí theo biên lai số: AA/2021/0009086 ngày 24/6/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hậu Lộc. (chị Th đã nộp đủ tiền án phí sơ thẩm).

Án xử công khai có mặt chị Th, vắng mặt anh Th, chị Th được quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Th được quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-VKSND huyện H;
- Đương sự;
- Chi cục THADS H .
- UBND xã H, huyện H;
- Lưu HSVA

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Nguyễn Văn Nghi